**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 18**

Từ ngày 01/1/2024 đến ngày 5/1/2024

**Cách ngôn: *Mua danh ba vạn bán danh ba đồng.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài giảng** |
| **Hai** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **HĐTT**  **TV**  **Toán**  **TV** | **Chào cờ**  **Ôn tiết 1**  **Diện tích hình tam giác**  **Ôn tập tiết 2** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Lịch sử**  **TV**  **TV** | **Kiểm tra cuối HK1**  **Ôn tập tiết 3**  **Ôn tập tiết 4** |
| **Ba** |
| **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **Khoa học**  **TV**  **/** | **Luyện tập**  **Năng lượng**  **Ôn tập tiết 5** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Tư** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **/**  **/**  **TV**  **Toán** | **Ôn tập tiết 6**  **Luyện tập chung** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Năm** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **TV**  **Địa lý**  **Khoa học** | **Kiểm tra cuối HK1**  **Ôn tập tiết 7**  **Kiểm tra cuối HK1**  **Năng lượng mặt trời** |
| **Chiều** | **1**    **2**  **3** | **HĐTT**  **TV**  **Kĩ Thuật** | **ATGT: Tham gia giao thông đường hàng không an toàn(tiết 1)**  **Ôn tập tiết 8**  **Thức ăn nuôi gà** |
| **Sáu** | **Sáng** | **/** | **/** |  |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Toán**  **HĐTT**  **Đạo đức** | **Hình thang**  **Đọc sách**  **Thực hành cuối HK1** |

Thứ Hai,ngày 1/1/2024

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

( Tiết 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Lập được bảng thống kê các bài Tập đọc trong chủ điểm **Giữ lấy màu xanh** theo yêu cầu của BT2 .

- Biết nhận xét về nhân vật trong bài đọc theo yêu cầu của BT3 .

- Đọc trôi chảy , lưu loát bài tập đọc đã học ; tốc độ khoảng 110 tiếng/ phút ; biết đọc diễn cảm đoạn thơ , đoạn văn ; thuộc 2-3 bài thơ , đoạn văn dễ nhớ ; hiểu nội dung chính , ý nghĩa cơ bản của bài thơ , bài văn .

- HSNK đọc diễn cảm bài thơ, bài văn; nhận biết được một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ; phiếu ghi tên các bài tập đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(5 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện": Kể tên các bài tập đọc đã học trong chương trình.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph)**  **a/ Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.**  GV gọi HS lên bốc thăm bài đọc.  GV kiểm tra ¼ số HS trong lớp.  GV nhận xét  **b/Thực hành**  **Bài 2:** Lập bảng thống kê các bài tập đọc thuộc chủ đề Giữ lấy màu xanh.  Cử vài nhóm nhanh nhất lên trình bày .  GV nhận xét, bổ sung.  **Bài 3:**  GV cho HS viết nhận xét của mình vào vở.  Gọi 1 số HS đọc bài .  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Em biết nhân vật nhỏ tuổi dũng cảm nào khác không ? Hãy kể về nhân vật đó.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi  **-** Bốc thăm chọn bài đọc và đọc trả lời câu hỏi .  - Hoạt động nhóm: Lập bảng thống kê các bài đã học   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên bài | Tác giả | Thể loại | | Chuyện một khu vườn nhỏ | Vân Long | Văn | | Mùa thảo quả | Ma Văn Kháng | Văn | | Hành trình của bầy ong | Nguyễn Đức Mậu | Thơ | | …… | ….. | ….. |   Đại diện nhóm trình bày, nhận xét bổ sung  - HS viết nhận xét của mình về bạn nhỏ( Truyện người gác rừng tí hon ) , nêu dẫn chứng .  Làm bài vào vở .  + Nhận xét: Bạn nhỏ là một người yêu rừng. Bạn là người thông minh, dũng cảm.  + Dẫn chứng: Phát hiện ra những dấu chân người lớn , Em lần theo dấu chân. Chạy theo đường tắt gọi điện thoại cho các chú công an. Chờ các chú công an đến bắt bọn trộm gỗ.  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Toán (tiết 87):

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1/ Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính diện tích hình tam giác

*- Bài tập cần làm: Bài 1. HS năng khiếu làm BT2*

- Rèn kĩ năng tính diện tích hình tam giác.

**2/ Phẩm chất, năng lực:**

- Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Yêu thích môn học.

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( Bài 1 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- HS: chuẩn hai hình tam giác nhỏ; kéo để cắt hình.

- GV: chuẩn bị hai hình tam giác lớn bằng nhau.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy của GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cả lớp hát.  - Cho HS thi nêu nhanh đặc điểm của hình tam giác.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá: ( 15 ph)**  **\**Nắm được quy tắc tính diện tích hình tam giác.***  \* Lấy một trong hai hình tam giác bằng nhau.  - Vẽ một đường cao lên hình tam giác đó.  - Cắt theo đường cao, được hai mảnh hình tam giác ghi là 1 và 2.  \* Ghép hai mảnh 1 và 2 vào hình tam giác còn lại để thành hình chữ nhật ABCD.  - Vẽ đường cao EH.  \* GV yêu cầu HS so sánh  + So sánh chiều dài HCN & độ dài đáy hình tam giác? chiều rộng hình CN & chiều cao hình tam giác?  + So sánh diện tích hình chữ nhật ABCD và diện tích hình tam giác EDC?  + Nêu quy tắc, ghi công thức (như SGK)  (S là diện tích, a là đáy, h là chiều cao).  **3. Luyện tập thực hành : ( 15 ph )**  Bài 1/88: ( 15 ph )  - GV yêu cầu HS viết lại công thức rồi tính.  *Bài 2/88:* ***Dành cho HS năng khiếu.***  ***4. Vận dụng: ( 3 ph )***  - Cho HS lấy một tờ giấy, gấp tạo thành một hình tam giác sau đó đo độ dài đáy và chiều cao của hình tam giác đó rồi tính diện tích.  ? Muốn tính diện tích hình tam giác ta làm thế nào?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài: **Luyện tập.** | - Lớp hát đồng thanh.  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở  \* HS thao tác theo HD của GV  \* HS thảo luận cặp.  + Hình chữ nhật ABCD có chiều dài DC bằng độ dài đáy DC của tam giác EDC…  + Diện tích hình chữ nhật ABCD gấp 2 lần diện tích hình tam giác EDC.  + Muốn tìm diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao ( cùng đơn vị đo) rồi chia cho 2**.**  **\* ( Cá nhân )**  - Làm bài.  a)S = 8 x 6 : 2 = 24(cm2)  b)S = 2,3 x 1,2 : 2 = 1,38(dm2)  a) 6m2 ; b)110,5m2  - HS nghe và thực hiện |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

( Tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Lập được bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm **Vì hạnh phúc con người** theo yêu cầu của BT2 .

- Biết trình bày cảm nhận về cái hay của một số câu thơ theo yêu cầu của BT3 .

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở tiết 1 .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: + Phiếu viết tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học

+ Bảng nhóm kẻ theo mẫu SGK

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS hát  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  **a/ Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.**  GV gọi HS lên bốc thăm bài đọc.  GV kiểm tra ¼ số HS trong lớp.  GV nhận xét  **b/ Luyện tập:**  **Bài 2:** Lập bảng thống kê các bài tập đọc thuộc chủ đề: Vì hạnh phúc con người  GV cho HS sử dụng phiếu học tập nhóm để thống kê.  - Cử vài nhóm trình bày trước lớp.  GV nhận xét, bổ sung.  **Bài 3:** Trong hai bài thơ ở chủ điểm Vì hạnh phúc con người , em thích câu thơ nào nhất, trình bày cái hay của những câu thơ ấy.  **\*Củng cố, dặn dò(1 ph)**  - Dặn HS về tiếp tục luyện đọc .  - GV nhận xét tiết học. | - HS hát  - Bốc thăm chọn bài đọc.  - Cá nhân đọc bài và trả lời câu hỏi .  - Đọc, nêu yêu cầu đề  - Hoạt động nhóm: Lập bảng thống kê các bài đã học   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên bài | Tác giả | Thể loại | | Chuỗi ngọc lam | Phun-tơn O-xlơ | Văn | | Hạt gạo làng ta | Trần Đăng Khoa | Thơ | | …. | … | … |   - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét bổ sung  - Đọc, nêu yêu cầu đề  Làm bài và trình bày miệng trước lớp.  + Hạt gạo làng ta:  Hạt gạo làng ta …… đắng cay : Tác giả giới thiệu sự ra đời của hạt gạo ... hạt gạo còn chứa đựng cả công sức lao động vất vả của người dân .  + Về ngôi nhà đang xây  Ngôi nhà tựa vào … nồng hăng : Đó là những hình ảnh nhân hóa làm cho ngôi nhà được miêu tả sống động , gần gũi với con người .  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử:**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học.

**II. ĐỀ BÀI**

**I. Trắc nghiệm**

***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:***

**Câu 1) Năm 1862, ai là người được nhân dân và nghĩa quân suy tôn là “Bình Tây Đại nguyên soái”?**

A. Phan Bội Châu. B.Trương Định.

C. Tôn Thất Thuyết. D. Nguyễn Tất Thành.

**Câu 2) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào ngày, tháng, năm nào?**

A. 19 – 5 – 1890 B. 2 – 3 – 1930

C. 5 – 6 – 1911 D. 3 – 2 – 1930

**Câu 3) Đầu xuân năm 1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta diễn ra tại?**

A. Quảng trường Ba Đình (Hà Nội). B. Hang Bác-pó (Cao Bằng).

C. Hồng Kông (Trung Quốc). D. Xô viết Nghệ - Tĩnh.

**Câu 4) Phong trào Đông Du được phát động do nhà yêu nước nào?**

A. Nguyễn Trường Tộ B. Nguyễn Tất Thành

C. Trương Định D. Phan Bội Châu

**Câu 5) Em hãy lựa chọn những cụm từ thích hợp cho trước dưới đây, điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành đoạn văn.**

**( *không chịu làm nô lệ, không chịu mất nước, phải nhân nhượng, thà hi sinh tất cả)***

“ ... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta ....................................................... Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới , vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta ....................................................., chứ nhất định......................................., nhất định ........................................................!”

**II. Tự luận**

Câu 1) Kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950?

Câu 2) Nêu ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ?

**ĐÁP ÁN**

**I. Trắc nghiệm**

Câu 1) B

Câu 2) D

Câu 3) C

Câu 4) D

Câu 5) phải nhân nhượng; thà hi sinh tất cả; không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ

**II. Tự luận**

Câu 1) Kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là:

- Quân ta đã tiêu diệt và bắt sống hơn 8000 quân địch.

- Giải phóng vùng biên giới Việt – Trung dài từ Cao Bằng đến Đình Lập.

- Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

- Khai thông đường liên lạc quốc tế.

Câu 2) Chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc son chói lọi, góp phần kết thúc thắng lợi chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

( Tiết 3)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở tiết 1 .

- Lập được bảng tổng kết vốn từ về môi trường.

- HSNK nhận biết một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ, bài văn.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu viết tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học, Bảng nhóm kẻ theo mẫu SGK

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS thi kể tên các bài tập đọc thuộc chủ đề: ***Giữ lấy màu xanh***  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  **a/ Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.**  GV gọi tên HS lên bốc thăm bài đọc.  GV kiểm tra ¼ số học sinh trong lớp.  GV nhận xét  **b/ Luyện tập:**  **Bài 2**: Điền từ ngữ em biết vào bảng Tổng kết vốn từ về môi trường  Giải thích nghĩa các từ:  **+ sinh quyển**: môi trường động thực vật  **+ thuỷ quyển**: môi trường nước  **+ khí quyển** : môi trường không khí.  - Tổng kết và chấm chọn nhóm thắng cuộc.  - Yêu cầu HS đặt câu hoặc viết đoạn văn ngắn nói về bảo vệ môi trường.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Yêu cầu HS về nhà ôn lại từ ngữ đã học .  - GV nhận xét tiết học. | - HS thi kể  - Bốc thăm chọn bài đọc.  - Cá nhân đọc bài và trả lời câu hỏi  - Đọc, nêu yêu cầu đề  - Tổ chức trò chơi **Ai nhanh hơn**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Sinh quyển | Thuỷ quyển | Khí quyển | | Các sự vật trong môi trường | rừng, con người, … | sông, suối, ao, hồ, … | mây, bầu trời, vũ trụ, … | | Những hành động BVMT | trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc, … | giữ sạch nguồn nước, … | xử lí rác thải, lọc khói công nghiệp, … |   - Nhận xét, chọn đội thắng cuộc  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

(Tiết 4)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở tiết 1 .

- Nghe- viết đúng bài chính tả, viết đúng tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài và các từ ngữ dễ viết sai , trình bày đúng bài **Chợ Ta-sken** , tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi sẵn tên bài tập đọc và học thuộc lòng, Ảnh minh hoạ người Ta-sken trong trang phục dân tộc.

- Học sinh: Sách giáo khoa , vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS hát  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  **Bài 1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.**  - GV gọi tên HS lên bốc thăm bài đọc.  - GV kiểm tra ¼ số học sinh trong lớp.  GV nhận xét  **Bài 2: Hướng dẫn HS viết chính tả:**  - GV đọc bài chính tả.  - Nội dung bài nói lên điều gì?  - Luyện viết từ ngữ khó:  - GV nhắc HS cách trình bày bài viết.  - GV đọc cho HS viết.  - Tổ chức chấm bài và chữa lỗi.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Cho HS nêu quy tắc viết hoa tên riêng nước ngoài.  - Về nhà tìm thêm một số tên riêng nước ngoài và luyện viết thêm.  - Nhận xét tiết học. | - HS hát  - Bốc thăm bài đọc  - Cá nhân đọc bài và trả lời câu hỏi .  - HS nghe.  - Nêu lên sự đông đúc tấp nập của một khu chợ vùng cao.  - Viết bảng con: **Ta-sken, xúng xính, thõng dài, ve vẩy,…**  - Viết chính tả vào vở.  - Đổi vở chấm lỗi  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Ba,ngày 2/1/2024**

**Toán (tiết 88):**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1/ Kiến thức, kĩ năng**:

- Biết tính diện tích hình tam giác.

- Tính diện tích hình tam giác vuông biết độ dài hai cạnh góc vuông.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.* *HS năng khiếu làm BT4*

Rèn kĩ năng tính diện tích của hình tam giác thường và tam giác vuông.

**2/ Phẩm chất, năng lực*:***

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.( Bài 1,2,3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên: Bảng phụ, SGK

- Học sinh: Vở, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cho HS thi nêu các tính diện tích hình tam giác.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 ph )**  *Bài 1/88:( 10 ph )*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm BT  - GV nhận xét, chốt lại ý đúng.  - GV yêu cầu HS nhắc lại công thức tính diện tích hình tam giác.  *Bài 2/88:( 10 ph )*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Y/c HS trả lời.  - GV nhận xét, chốt lại ý đúng.  *Bài 3/88:( 12 ph )*  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm BT  - GV nhận xét, chốt lại ý đúng.  ***Bài 4/89: Dành cho HS năng khiếu***  3. Vận dụng : ( 3 ph )  - Cho HS tính diện tích của hình tam giác có độ dài đáy là 18dm, chiều cao 3,5m. | - HS thi nêu  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm vở, trên bảng lớp.   1. *30,5 x 12 : 2 = 183(dm2).* 2. *5,3m=53dm.*   *16 x 53 : 2 = 424(dm2 )*  - HS nhắc lại công thức tính  **\* ( Cả lớp )**  - HS đọc yêu cầu.  - HS trả lời.  *+Tam giác ABC:*  *-Đáy AB đường cao CA.*  *-Đáy CA đường cao AB.*  *+Tam giác EDG:*  *-Đáy DE đường cao GD.*  *-Đáy DG đường cao ED.*  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc yêu cầu.  **-** HS làm vở, trên bảng lớp.  *a) 3 x 4 : 2 = 6(cm2).*  *b)5 x 3 : 2 = 7,5(cm2).*  - HS tính: |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**NĂNG LƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết mọi hoạt động và biến đổi đều cần năng lượng.

- Nêu được ví dụ về mọi hoạt động và biến đổi đều cần năng lượng.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích khoa học, góp phần bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, SGV.

- HS : SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - *Giới thiệu bài*: GV chỉ lọ hoa và quyển sách trên bàn và hỏi: Lọ hoa đang ở vị ví nào trên bàn?  + GV cầm lọ hoa để xuống bàn HS và hỏi: Lọ hoa đang ở vị trí nào?  + Tại sao lọ hoa từ trên bàn giáo viên lại có thể nằm trên bàn của bạn A.  - Như vậy là cô đã cung cấp năng lượng cho lọ hoa. Vậy năng lượng là gì ? Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài: ***Năng lượng*** | + Lọ hoa ở phía bên trái của góc bàn.  + Lọ hoa ở trên bàn học của bạn A.  + Lọ hoa ở trên bàn học của bạn A là do cô cầm lọ hoa từ bàn GV xuống bàn của bạn A.  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Nhờ cung cấp năng lượng mà các vật có thể biến đổi vị trí, hình dạng  *1. Thí nghiệm với chiếc cặp.*  + Chiếc cặp sách nằm ở đâu?  + Làm thế nào để có thể nhấc nó lên cao?  - Yêu cầu 2 HS nhấc chiếc cặp lên khỏi mặt bàn và đặt vào vị trí khác.  - Chiếc cặp thay đổi vị trí là do đâu?  - GV kết luận.  *2. Thí nghiệm với ngọn nến.*  - GV đốt cắm ngọn nến vào đĩa.  - Tắt điện trong lớp học và hỏi:  + Em thấy trong phòng thế nào khi tắt điện?  - Bật diêm, thắp nến và hỏi  + Khi thắp nến, em thấy gì được toả ra từ ngọn nến?  + Do đâu mà ngọn nến toả nhiệt và phát ra ánh sáng?  - GV kết luận.  *3. Thí nghiệm với đồ chơi*  - GV cho HS quan sát chiếc ô tô khi chưa lắp pin.  + Tại sao ô tô lại không hoạt động?  - Yêu cầu HS lắp pin vào ô tô và bật công tắc, nêu nhận xét  + Khi lắp pin vào ô tô và bật công tắc thì có hiện tượng gì xảy ra?  + Nhờ đâu mà ô tô hoạt động, đèn sáng còi kêu?  - GV kết luận  - GV hỏi: Qua 3 thí nghiệm, em thấy các vật muốn biến đổi cần có điều kiện gì?  - Yêu cầu HS đọc mục bạn cần biết trang 82.  **Hoạt động 2:** Một số nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, động vật, phương tiện  - GV yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết trang 83 SGK.  - GV nêu: Em hãy quan sát các hình minh hoạ 3, 4, trang 83- SGK và nói tên những nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động của con người, động vật, máy móc.  - Gọi HS trình bày.  + Muốn có năng lượng để thực hiện các hoạt động con người cần phải làm gì?  + Nguồn cung cấp năng lượng cho các hoạt động của con người được lấy từ đâu?  - Gọi HS đọc mục Bạn cần biết trang 83.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhắc lại nội dung cần nắm.  - Nhận xét tiết học. | + Chiếc cặp sách nằm yên ở trên bàn.  + Có thể dùng tay nhấc cặp hoặc dùng que, gậy móc vào quai cặp rồi nhấc cặp lên.  - 2 HS thực hành.  - Chiếc cặp thay đổi là do tay ta nhấc nó đi.  - Lắng nghe.  - Quan sát và trả lời câu hỏi.  + Khi tắt điện phòng trở nên tối hơn.  + Khi thắp nến, nến toả nhiệt và phát ra ánh sáng.  + Do nến bị cháy.  - Lắng nghe.  - Nhận xét: ô tô không hoạt động.  + Ô tô không hoạt động vì không có pin.  - Nhận xét: ô tô hoạt động bình thường khi lắp pin.  + Khi lắp pin vào ô tô và bật công tắc, ô tô hoạt động, đèn sáng, còi kêu.  + Nhờ điện do pin sinh ra điện đã cung cấp năng lượng làm cho ô tô hoạt động.  - Các vật muốn biến đổi thì cần phải được cung cấp năng lượng.  - 2 HS tiếp nối nhau đọc cho cả lớp nghe.  - 2 HS đọc  - Lắng nghe.  - HS thảo luận.  - HS trình bày.  + Muốn có năng lượng để thực hiện các hoạt động con người phải ăn, uống và hít thở.  + Nguồn cung cấp năng lượng cho các hoạt động của con người được lấy từ thức ăn.  - 1 HS đọc bài.  - HS nhắc lại. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................................

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

(Tiết 5)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Viết được lá thư gửi người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập , rèn luyện của bản thân trong HKI , đủ 3 phần ( phần đầu thư , phần chính và phần cuối thư ), đủ nội dung cần thiết.

**-** Rèn kĩ năng viết thư cho người thân.

**-** Yêu quý, trân trọng tình cảm gia đình.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy viết th­ư.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS thi nêu bố cục của một bức thư  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  - GV cho HS đọc đề .  - HS đọc gợi ý ở SGK.  - Vừa qua, em có những kết quả học tập như thế nào?  Nhờ đâu em học tập tiến bộ như vậy?  Em sẽ viết thư cho ai để kể về các kết quả ấy?  \* Lưu ý: Cần viết chân thực, kể đúng thành tích và cố gắng của mình, thể hiện được tình cảm với người viết thư.  - Cho HS viết bài  - Gọi 1 số HS đọc lá thư của mình.  - Cho HS bình chọn lá thư hay nhất.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Cho đọc những lá thư viết hay để tham khảo  - Cấu tạo một bức thư gồm mấy phần ? Đó là những phần nào ?  - Nhận xét tiết học. | - HS thi nêu  - Đọc đề : *Hãy viết thư gửi một người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của em trong HKI*  Trả lời những câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên  - Giới thiệu người thân em định viết thư  - Làm bài vở bài tập  - Đọc lá thư của mình cho cả lớp nghe.  - Nhận xét, góp ý, sửa những chỗ viết sai .  - Bình chọn bạn viết thư hay nhất.  - HS nghe  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Tư,ngày 3/1/2024**

Tiếng Việt : ***ÔN CUỐI HỌC KÌ I***

(Tiết 6)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở tiết 1 .

- Đọc bài thơ và trả lời được các câu hỏi của BT2 .

**-** Rèn kĩ năng phân biết nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ Tiếng Việt.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi tên các bài tập đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**I.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(5 phút)**  - Cho HS thi đọc thuộc lòng một bài thơ mà HS thích.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph)**  **Bài 1: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.**  - Gọi tên HS lên bốc thăm bài đọc.  - Kiểm tra ¼ số học sinh trong lớp.  - Nhận xét  **Bài 2: Đọc và trả lời câu hỏi**  - Cho HS đọc bài tập.  - Tìm từ đồng nghĩa với biên giới.  - Trong khổ thơ 1, từ **đầu** và **ngọn** được hiểu như thế nào?  - Tìm đại từ xưng hô được dùng?  - Em hiểu hình ảnh **Lúa lượn bậc** **thang mây** như thế nào?  - Nhận xét và chốt ý đúng.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Tìm đại từ trong câu thơ sau:  *Cái cò, cái vạc, cái nông*  *Sao mày giẫm lúa nhà ông hỡi cò*  *Không, không, tôi đứng trên bờ*  *Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.*  - Về nhà viết một đoạn văn ngắn nói về một người bạn thân trong đó có sử dụng đại từ.  - Nhận xét tiết học. | - HS thi đọc  - Bốc thăm chọn bài đọc.  - Cá nhân đọc bài và trả lời câu hỏi  - Đọc, nêu yêu cầu đề  - Đọc thầm bài: **Chiều biên giới**  + biên giới = biên cương = biên thuỳ.  - Hiểu theo nghĩa chuyển.  - Em và ta.  - Nhóm đôi, trả lời: Lúa lẫn trong mây, nhấp nhô uốn lượn như làn sóng trên những thửa ruộng bậc thang.  - Trình bày miệng, nhận xét  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Toán (tiết 89):

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

**1/ Kiến thức, kĩ năng**:

Biết:Giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.

-Tìm tỉ số phần trăm của hai số. Làm các phép tính với số thập phân

-Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân

*- Bài tập cần làm: Phần 1, Phần 2: Bài 1, bài 2. HS năng khiếu làm Phần 2: BT3; BT4.*

- Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân.

**2/ Phẩm chất, năng lực:**

**-** Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán. ( *Phần 1, Phần 2: Bài 1, bài 2)*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Giáo viên: Bảng phụ, SGK.

- Học sinh: Vở, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng **.**  **2. Luyện tập thực hành: ( 34 ph )**  **\*Hoạt động1:( 15 ph )** ***Luyện tập phần 1: Trắc nghiệm.***  *Bài 1/89:* ( 5 ph ) Chữ số 3 trong số thập phân 72,364 có giá trị là.  *Bài 2/89 ( 5 ph )*  HD:-Bài toán hỏi gì?  -Bài toán cho biết gì?  -Muốn tính tỉ số phần trăm của hai số, ta làm thế nào?  Bài 3/89: ( 5 ph ) 2800g bằng bao nhiêu ki-lô-gam?  **\*Hoạt động 2: ( 19 ph ) *Luyện tập phần 2: Tự luận :***  *Bài 1/90:* ( 14 ph ) Đặt tính rồi tính  *Bài 2/90:* ( 5 ph ) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.  *Bài 3, 4:* ***Dành cho HS năng khiếu***  **3. Vận dụng: ( 3ph )**  - Tìm tỉ số phần trăm của 19 và 25.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò. | - HS hát  - HS ghi vở  - HS trả lời.  *Khoanh vào B*  - HS trả lời.  *- HS nêu.*  *Khoanh vào C*  *Khoanh vào C*  **\* ( Cá nhân )**  - HS làm bảng, vở.  *a) 85,90 ; b) 68,29 ;*  *c) 80,73 ; d) 31*  **\* ( Cá nhân )**  - HS làm bảng, vở.  *a) 8,5 ; b ) 8,05*  *Bài 3: 750cm2*  *Bài 4: x = 4; x= 3,91*  - HS tính: |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Năm,ngày 4/1/2024**

Toán( tiết 89 ):

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

Tập trung vào kiểm tra.

- Hàng, lớp của số thập phân.

- Giải bài toán về tỉ số phần trăm.

- Chuyển đổi các đơn vị đo.

- Các phép tính về số thập phân.

**II. ĐỀ BÀI :**

**Phần 1:** Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

**Câu 1:** Chữ số 8 trong số thập phân 95,824 có giá trị là:

A. 8/10 B. 8/100 C. 8/1000 D. 8

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 9,456 ; 9,466 ; 9,476 ; 9,486 là:

1. 9,456 ; B. 9,466 ; C. 9,476 D. 9,486

Câu 3: Tỉ số phần trăm của 20 và 25 là :

1. 20% B. 25% C. 80% D. 5%

Câu 4 : Tìm 25% của 420 là :

1. 110 B. 1050 C. 115 D. 105

**Phần 2:**

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

1. 432,8 + 79,751 b. 567 – 87,965 c. 6,08 x 5,8 d. 77,5 : 2,5

Câu 2: Tính nhẫm:

1. 43,9 x 100 = c. 56 : 0,1 =
2. 2,1 x 10 = d. 78,4 : 0,01 =

Câu 3: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 45m và bằng 2/3 chiều dài.

Trên mảnh vườn đó, người ta trồng rau hết 80% diện tích. Tính diện tích đất còn lại chưa được sử dụng?

***ĐÁP ÁN***

**Phần 1:** ( 4 điểm )

Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm .

Câu 1: A Câu 2: D Câu 3: C Câu 4: D

**Phần 2:** ( 6 điểm )

Câu 1: ( 2 điểm ) Mỗi phép tính đúng 0,5 điểm.

Câu 2 : ( 2 điểm ) Mỗi phép tính đúng 0,5 điểm.

Câu 3: ( 2 điểm ) - Tính được chiều dài mảnh vườn ( 0,5 điểm) .

* Tính được diện tích mảnh vườn ( 0,5điểm ) .
* Tính được diện tích trồng rau ( 0,5điểm ) .
* Tính được diện tích đất còn lại chưa được sử dụng ( 0,5điểm ) .

Tiếng Việt : ***BÀI LUYỆN TẬP***

(Tiết 7)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra đọc theo mức độ cần đạt về kiến thức , kĩ năng HKI ( nêu ở Tiết 1, Ôn tập ).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: - Bảng phụ chép bài thơ, các phiếu phô tô các bài tập.

- HS: Đọc tr­ước bài, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS hát  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  a) Đọc thầm.  - Cho HS đọc thầm bài văn trang 177  b) Làm BT.  - Cho HS làm bài.  - GV HD HS cách làm bài: khoanh tròn vào kí hiệu hoặc đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng nhất .  - Cho HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, kết luận  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Yêu cầu HS về làm và ghi lại các bài tập đã làm ở lớp vào vở.  - GV nhận xét tiết học. | - HS hát  - HS đọc thầm bài  - HS làm bài  - Dựa vào nội dung bài đọc , chọn câu trả lời đúng  **+ 1.b** : Những cánh buồm  **+ 2.a** : Nước sông đầy ắp  **+ 3.c** : Màu áo của những người thân trong gia đình  **+ 4.c** : Thể hiện được tình yêu của tác giả đối với những cánh buồm …..  **+ 5.b** : Lá buồm căng phồng như ngực người khổng lồ  **+ 6.b** : Vì những cánh buồm gắn bó với con người từ bao đời nay  **+ 7.b :** Hai từ. Đó là các từ : **lớn, khổng lồ**  **+ 8.a** : Một cặp. Đó là các từ : **ngược/ xuôi**  **+ 9.c** : Đó là hai từ đồng âm  **+ 10.c** : Ba quan hệ từ. Đó là các từ : **còn, thì, như**  - HS trình bày kết quả.  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập các kiến thức đã học.

**II. ĐỀ BÀI**

**I. Trắc nghiệm**

***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:***

**Câu 1) Phần đất liền của nước ta giáp với những nước nào ?**

A. Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc. B. Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia.

C. Trung Quốc, Lào, Nhật Bản. D. Trung Quốc, Lào, Thái Lan.

**Câu 2) Đặc điểm địa hình phần đất liền của nước ta là:**

A. diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi

B. diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi

C. diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi

D. diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi

**Câu 3) Hoạt động sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta là?**

A. Chăn nuôi B. Nuôi trồng thủy sản

C. Trồng và bảo vệ rừng D. Trồng trọt

**Câu 4)**  **Đất phù sa ở nước ta có đặc điểm là:**

A. Phân bố ở các đồng bằng, có màu đỏ vàng, rất màu mỡ

B. Phân bố ở các đồng bằng, do phù sa các sông bồi đắp, rất màu mỡ

C. Phân bố ở vùng đồi núi, có màu đỏ vàng, rất màu mỡ

D. Phân bố ở vùng đồi núi, là loại đất có nhiều nhất ở nước ta

**Câu 5) Hãy nối ý ở cột ( A )  với ý ở cột ( B ) sao cho phù hợp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | A - B | B |
| 1. Đường ô tô |  | a. là trung tâm công nghiệp lớn của nước ta. |
| 2. Lúa gạo |  | b. là hoạt động mua bán ở trong nước. |
| 3. Nội thương |  | c. loại cây trồng nhiều nhất ở nước ta |
| 4. Thành phố Hồ Chí Minh |  | d. vận chuyển hàng hóa nhiều nhất |

**Câu 6) Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ chấm:**

**( *đồng bằng, ven biển; 54; Kinh; vùng núi và cao nguyên)***

Nước ta có ............ dân tộc. Dân tộc ..............................có số dân đông nhất, sống tập trung ở các ............................................... Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở .....................

**II. Tự luận**

**Câu 1) Nêu những điều kiện để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước ?**

**ĐÁP ÁN**

**I. Trắc nghiệm**

Câu 1) A

Câu 2) C

Câu 3) D

Câu 4) B

Câu 5) 1 – d, 2 – c, 3 – b, 4 – a

Câu 6) **54; Kinh; đồng bằng, ven biển; vùng núi và cao nguyên**

**II. Tự luận**

Câu 1) Những điều kiện để thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước là:

* Ở gần vùng có nhiều lương thực, thực phẩm
* Trung tâm văn hóa, khoa học kĩ thuật.
* Có sự đầu tư của nước ngoài.
* Dân cư đông đúc, người lao động có trình độ cao
* Có giao thông thuận lợi.

**Khoa học:**

**NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu ví dụ về việc sử dụng năng lượng mặt trời trong đời sống và sản xuất: chiếu sáng, sưởi ấm, phơi khô, phát điện,…

- Biết cách tìm tòi, xử lí, trình bày thông tin về việc sử dụng năng lượng mặt trời.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có ý thức quan sát và biết tận dụng nguồn năng lượng mặt trời.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, SGV.

- HS : SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Khi ăn chúng ta có cần tới năng lượng không ?  - GV nhận xét đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - Cần năng lượng để thực hiện các động tác ăn như: cầm bát, đưa thức ăn lên miệng, nhai.  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Tác dụng của năng lượng mặt trời trong tự nhiên  - GV viết nội dung thảo luận trên bảng phụ:  + Mặt trời cung cấp năng lượng cho Trái đất ở những dạng nào?  + Nêu vai trò của Mặt trời đối với sự sống của con người?  + Nêu vai trò của năng lượng mặt trời đối với thời tiết và khí hậu?  + Năng lượng mặt trời có vai trò gì đối với thực vật, động vật?  **Hoạt động 2 :** Sử dụng năng lượng trong cuộc sống  - GV Yêu cầu HS quan sát thảo luận  - Sau 3 phút thảo luận các nhóm cử đại diện nhóm có ý kiến  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  - GV kết luận  **Hoạt động 3:** Vai trò của năng lượng mặt trời  ***-*** Cho HS nêu lại vai trò của năng lượng mặt trời qua trò chơi:   * GV vẽ hình mặt trời lên bảng.   … Chiếu sáng  … Sưởi ấm  - GV nhận xét, tuyên dương  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhắc lại nội dung cần nắm.  - Nhận xét tiết học. | - HS thảo luận đi đến kết quả thống nhất  + Mặt Trời cung cấp cho Trái Đất năng lượng ở dạng ánh sáng và nguồn nhiệt  + Con người sử dụng năng lượng mặt trời để học tập vui chơi, lao động.  + Năng lượng mặt trời giúp con người ta luôn khoẻ mạnh. Nguồn nhiệt do mặt trời cung cấp cho không thể thiếu đối với cuộc sống con người...  + Nếu không có năng lượng mặt trời, thời tiết và khí hậu sẽ có những thay đổi lớn: không có gió, không có mưa, nước sẽ ngừng chảy và đóng băng....  + ..Giúp cây xanh quang hợp, động vật khỏe mạnh...  - Đại diện các nhóm lên trình bày chỉ hình và nêu tên của những hoạt động, những loại máy móc được minh hoạ ..  + Tranh vẽ người đang tắm biển  + Tranh vẽ con người đang phơi cà phê, năng lượng mặt trời dùng để sấy khô..  + Ảnh chụp các tấm pin mặt trời của tàu vũ trụ.  + Ảnh chụp cánh đồng muối nhờ có năng lượng mặt trời mà hơi nước bốc hơi tạo ra muối.   * Hai đội tham gia (mỗi đội khoảng 5 HS). * Hai nhóm lên ghi những vai trò, ứng dụng của mặt trời đối với sự sống trên Trái Đất đối với con người.   - HS nhắc lại. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HĐTT**

**ATGT**: **Tham gia giao thông đường hàng không an toàn(tiết 1)**

Tiếng Việt : ***BÀI LUYỆN TẬP***

(Tiết 8 )

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Kiểm tra viết theo mức độ cần đạt về kiến thức , kĩ năng HKI :

- Nghe - viết đúng chính tả ( tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút ) , không mắc quá 5 lỗi trong bài ; trình bày đúng hình thức bài thơ ( văn xuôi ) .

- Viết được bài văn tả người theo nội dung , yêu cầu của đề bài .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ ghi dàn ý chung về bài văn tả người.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS hát  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (34 ph)**  **-** Giới thiệu đề bài:  Em hãy tả người thân đang làm việc, ví dụ: đang nấu cơm, khâu vá, làm vườn, đọc báo, xây nhà hay học bài...  - Nêu ghi nhớ dàn bài tả người  - Giới thiệu người định tả, làm công việc gì  - Làm bài  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Dặn HS về nhà chuẩn bị bài cho tiết học tuần sau  - GV nhận xét tiết học. | - Đọc, nêu yêu cầu chính của đề  - Trình bày ghi nhớ, nhận xét  - Giới thiệu bác Ba đang làm vườn  - Làm bài VBT .  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kĩ thuật:**

**THỨC ĂN NUÔI GÀ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nêu được tên và biết tác dụng cgủ yếu của 1 số thức ăn thường dùng để nuôi gà.

- Biết liên hệ thực tế để nêu tên và tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn được sử dụng nuôi gà ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có ý thức chăm sóc vật nuôi trong gia đình.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, một số mẫu thức ăn nuôi gà.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện": Kể tên các loại gà được nuôi ở nước ta.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS viết |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| Hoạt động 1:Tìm hiểu tác dụng của thức ăn nuôi gà  - GV hướng dẫn học sinh đọc mục 1 trong SGK và trả lời câu hỏi  + Động vật cần những yếu tố nào để tồn tại ? sinh trưởng và phát triển?    + Các chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể động vật được lấy ở đâu ?  - GV giải thích tác dụng của thức ăn theo nội dung SGK.  GV kết luận: Thức ăn có tác dụng cung cấp năng lượng, duy trì và phát triển cơ thể của gà . Khi nuôi gà cần cung cấp đầy đủ các loại thức ăn thích hợp.  Hoạt động 2:Tìm hiểu các loại thức ăn nuôi gà  - GV yêu cầu HS kể tên các loại thức ăn nuôi gà mà em biết ?  - HS trả lời GV ghi tên các loại thức của gà do HS nêu .  - Cho HS nhắc lại tên các nhóm thức ăn đó.  Hoạt động 3:Tìm hiểu tác dụng và sử dụng từng loại thức ăn nuôi gà  - GV cho HS đọc nội dung mục 2 trong SGK , trả lời câu hỏi:  + Thức ăn của Gà được chia làm mấy loại?  + Em hãy kể tên các loại thức ăn ?  - GV chỉ định một số HS trả lời .  - GV nhận xét và tóm tắt.  - GV cho HS thảo luận ,  - Yêu cầu các nhóm trình bày .  - GV cho HS khác nhận xét và bổ sung.  \* GV tóm tắt giải thích minh hoạ tác dụng, cách sử dụng thức ăn cung cấp chất bột đư­ờng .  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - Nhà em cho gà ăn bằng những loại thức ăn nào ?  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Động vật cần những yếu tố nh­ư Nước,không khí, ánh sáng , và các chất dinh dưỡng.  + Từ nhiều loại thức ăn khác nhau .  - HS nghe GV giải thích.  - Thóc, ngô, tấm, gạo, khoai, sắn, rau sanh , cào cào , châu chấu , ốc , tép ,bột đỗ t­ương ,vừng , bột khoáng.  - HS đọc bài trong SGK và trả lời câu hỏi .  \* Căn cứ vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn người ta chia thức ăn của gà thành 5 nhóm :  + Nhóm thức ăn cung cấp chất đường bột  + Nhóm thức ăn cung cấp chất đạm .  + Nhóm thức ăn cung cấp chất khoáng.  + Nhóm thức ăn cung cấp vi - ta - min + Nhóm thức ăn tổng hợp .  \* Trong các nhóm thức ăn nêu trên thì nhóm thức ăn cung cấp chất bột đường là cần và phải cho ăn thường xuyên , ăn nhiều.  - HS thảo luận.  - HS trình bày và nhận xét .  - HS nghe .  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Sáu,ngày 5/1/2024**

Toán (tiết 90):

HÌNH THANG

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1/ Kiến thức kĩ năng:

- Có biểu tượng về hình thang.

- Nhận biết được một số đặc điểm của hình thang, phân biệt được hình thang với một số hình đã học.

- Nhận biết được hình thang vuông

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4.* *HS năng khiếu làm BT3*

**-** Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết các dạng hình thang khác nhau.

**2/ Phẩm chất, năng lực**: Rèn tính cẩn thận, tỉ mỉ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.( 1,2,4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy, thước, 4 thanh nhựa

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của dạy GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1.Khởi động:(5phút)**  - Cho HS thi đua nêu đặc điểm của hình tam giác, đặc điểm của đường cao trong tam giác, nêu cách tính diện tích tam giác.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá : ( 15 ph )**  **HĐ1:( 5 ph)** ***Hình thành biểu tượng hình thang.***  - GV cho HS quan sát hình vẽ “cái thang”, những hình ảnh của hình thang. Sau đó HS quan sát hình thang ABCD trên bảng và trong sách.  **HĐ2:( 10 ph )** ***Nhận biết một số đặc điểm của hình thang***  - GV yêu cầu HS quan sát mô hình lắp ghép và hình vẽ hình thang và hình thang:  + Có mấy cạnh?  + Có hai cạnh nào song song với nhau?.  \* **Kết luận**: Như SGK.  - GV nêu đường cao AH, quan hệ giữa đường cao AH và hai đáy.  + Nêu đặc điểm của hình thang?  **3. Luyện tập thực hành ( 17 ph )**  *Bài 1:* ( 5 ph )  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - GV theo dõi và sửa sai cho các em yếu.  *Bài 2:* ( 7 ph )  - Hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi.  *Bài 3:* **\* Dành cho HS năng khiếu**  *Bài 4:* ( 5 ph )  - Cho HS tự làm bài.  ***\* KL:*** Hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai đáy gọi là hình thang vuông.  **4. Vận dụng: ( 3 ph )**  - Cho HS luyện tập vẽ hình thang vào vở nháp, nêu đáy lớn, đáy bé của hình thang đó.  + Nêu đặc điểm hình thang  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò. | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở  - HS quan sát hình thang.  - HS quan sát mô hình để tìm ra các đặc điểm của hình thang.  + Có 4 cạnh  + Cạnh AB song với cạnh CD  - HS lên chỉ vào hình thang và nêu đặc điểm của hình thang  **\* ( Cá nhân )**  - HS cá nhân, trình bày.  *( H.1, 4, 5, 6 là hình thang ; H.3 không phải là hình thang)*  - HS khác nhận xét bổ sung.  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS thảo luận nhóm đôi  *+ Hình có 4 cạnh và 4 góc: cả ba hình.*  *+ Hai cặp cạnh đối diện song song : H.1.*  *+ Chỉ có một cặp cạnh đối diện song song: H 2 và H3.-Có 4 góc vuông: H. 1*  **\* ( Cá nhân )**  - HS trả lời.  - HS nghe và thực hiện  - HS nêu. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HĐTT**

**Đọc sách**

**Đạo đức:**

**THỰC HÀNH CUỐI KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Giúp HS củng cố kiến thức .

- Biết áp dụng trong thực tế những kiến thức đã học.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Yêu thích môn học.

-Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa.

- Học sinh: Sách, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Làm việc theo nhóm  *\* Bài tập 1:* Nêu những hành vi, việc làm thể hiện sự hợp tác  - Mời đại diện một số nhóm chia sẻ.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Hoạt động 2:** Làm việc cá nhân  *\* Bài tập 2:* Hãy ghi lại những việc nên làm để thể hiện sự tôn trọng phụ nữ  - HS làm bài ra nháp.  - Mời một số HS trình bày, chia sẻ  - Các HS khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét.  **Hoạt động 3:** Làm việc theo cặp  *\* Bài tập 3:* Giải quyết tình huống  - GV đưa ra một số tình huống.  - GV cho HS trao đổi với bạn và tìm ra cách giải quyết tình huống đó.  - Mời một số HS chia sẻ  - Cả lớp và GV nhận xét.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhận xét tiết học. | - HS thảo luận nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS làm bài ra nháp.  - HS chia sẻ  - HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS trao đổi với bạn.  - HS chia sẻ trước lớp. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................